

Bản án số: 275/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐ-ST ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Gurdev S, sinh ngày 12/3/1979 (vắng mặt)

Quốc tịch: Ấn Độ.

Địa chỉ: H.670, Satnam N, I (Ấn Độ)

Người phiên dịch của anh Gurdev S: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Nơi thường trú: xóm N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/4/1984 (vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố C, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị N1, sinh ngày 26/02/1961 (vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố C, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Anh Gurdev S, chị N, bà N1 đều ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Nơi thường trú: xóm N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. giao nhận tài liệu với Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Gurdev S trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị N được tự do tìm hiểu sau đó đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ấn Độ, sau đó ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang ngày 13/11/2012 (Số A). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại Việt Nam. Đến tháng 01/2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Tháng 01/2024 anh đi Dubai làm việc, tháng 3/2024 chị N đi lao động tại Mỹ, anh đi làm việc tại nhiều nước khác nhau. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay anh định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung là cháu S Amrit Mộc Đan, sinh ngày 23/9/2017; cháu Maneet Ngân Hà S1, sinh ngày 13/7/2013 và S2, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị N và bà N1 (mẹ đẻ chị N). Sau khi ly hôn anh đề nghị giao các con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Vi Thị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do điều kiện công việc nên anh không có thời gian đến làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang được. Vì vậy anh đề nghị được vắng mặt tại: tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N (Có xác nhận của Đ1 tại Hoa Kỳ) trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh Gurdev S được tự do tìm hiểu sau đó đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ấn Độ, sau đó ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang ngày 13/11/2012 (Số A). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại Việt Nam. Đến tháng 01/2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Tháng 01/2024 anh Gurdev S sang D làm việc. Tháng 3/2024 chị sang Mỹ làm việc. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện

với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không về đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh Gurdev S. Chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Gurdev S.

Về con chung: Chị, anh Gurdev S có 03 con chung là cháu S Amrit Mộc Đan, sinh ngày 23/9/2017; cháu Maneet Ngân Hà S1, sinh ngày 13/7/2013 và S2, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị và bà N1 (bà ngoại). Sau khi ly hôn chị đề nghị giao các con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Vi Thị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do điều kiện công việc nên chị không có thời gian đến làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang được. Vì vậy chị đề nghị được vắng mặt tại: tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị N1 trình bày:

Về hôn nhân của anh Gurdev S, chị N: Về quá trình tìm hiểu đi đến kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn vợ chồng như anh Gurdev S, chị N trình bày.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là cháu S Amrit Mộc Đan, sinh ngày 23/9/2017; cháu Maneet Ngân Hà S1, sinh ngày 13/7/2013 và S2, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà. Bà được biết anh Gurdev S, chị N thống nhất đề nghị sau khi ly hôn giao các con chung là cháu S Amrit Mộc Đan, sinh ngày 23/9/2017; cháu Maneet Ngân Hà S1, sinh ngày 13/7/2013 và S2, sinh ngày 17/6/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do chị N hiện vẫn đang làm việc tại Mỹ nên đề nghị tạm giao cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị N về nước sinh sống. Bà đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho chị N trong thời gian chị N làm việc tại Mỹ cho đến khi chị về Việt Nam sinh sống. Bà xác định đây là quyền cũng như nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh Gurdev S, chị N phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian vừa qua cũng như tới đây. Bà cũng không yêu cầu anh Gurdev S, chị N phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Gurdev S, chị N hàng tháng vẫn gửi tiền để bà nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung của anh Gurdev S, chị N: không có.

Ngoài ra bà đề nghị được vắng mặt tại: tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra.

Cháu Singh Amrit Mộc Đ và cháu Maneet Ngân H Singh trình bày: Các cháu hiện đang sinh sống cùng bà ngoại (bà N1). Quá trình chung sống cháu được bà chăm sóc chu đáo, cẩn thận, được đưa đi học đầy đủ, được nấu cơm cho ăn, các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Bố và mẹ các cháu hiện vẫn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với cháu. Do các cháu sinh sống cùng bà từ lâu, cuộc sống đang ổn định nên nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bà ngoại và mẹ.

Tại phiên tòa, anh Gurdev S, chị Nguyễn Thị N, bà Vi Thị N1 vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Gurdev S; bản tự khai của chị Nguyễn Thị N, bà Vi Thị N1 và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Gurdev S. Xử;

Về hôn nhân: Anh Gurdev S được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Singh Amrit Mộc Đ, cháu Maneet Ngân Hà S1 và S2 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng tạm giao các con chung cho bà N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Gurdev S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Gurdev S khởi kiện xin ly hôn chị N và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh Gurdev S là nguyên đơn có Quốc tịch Ấn Độ và đang làm việc tại nước ngoài. Chị N là bị đơn đang làm việc tại Hoa Kỳ và có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Gurdev S, chị Nguyễn Thị N, bà Vi Thị N1.

[4]. Về hôn nhân: Anh Gurdev S và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ấn Độ, sau đó ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang ngày 13/11/2012 (Số A). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh Gurdev S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Gurdev S với chị N, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Gurdev S, chị N chung sống hòa thuận sau đó một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Tại bản tự khai anh Gurdev S, chị N đều xác định vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, sống ly thân nhau một thời gian dài nên đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Gurdev S, xử cho anh G Singh được ly hôn chị N phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về nuôi con chung: Anh Gurdev S, chị N có 03 con chung là Singh Amrit M, sinh ngày 23/9/2017; cháu Maneet Ngân Hà S1, sinh ngày 13/7/2013 và S2, sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay các con chung đều đang sinh sống cùng chị N và bà N1. Sau khi ly hôn anh Gurdev S, chị N thống nhất thỏa thuận giao các con chung cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao các con chung cho chị N trực tiếp, nuôi dưỡng sau ly hôn của anh Gurdev S, Hội đồng xét xử thấy: Anh Gurdev S, chị N đều thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Bà N1 là mẹ chị N đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuệ A thay chị N cho đến

khi chị N về nước sinh sống. Cháu Singh Amrit Mộc Đ, Maneet Ngân Hà S trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ và bà ngoại nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác, trên thực tế từ khi chị N, anh Gurdev S đi lao động đến nay các con chung vẫn sinh sống cùng bà N1, các cháu phát triển ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Gurdev S về việc giao chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn nhưng tạm giao cho bà N1 chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị N về nước sinh sống là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh Gurdev S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Gurdev S, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Gurdev S, chị N, bà N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh Gurdev S, chị N, bà N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Anh Gurdev S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Anh Gurdev S, chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Vi Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều

147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Gurdev S được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Singh Amrit Mộc Đ, sinh ngày 23/9/2017; cháu Maneet Ngân Hà S1, sinh ngày 13/7/2013 và S2, sinh ngày 17/6/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao các cháu cho bà Vi Thị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh Gurdev S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Gurdev S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001401 ngày 23/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Gurdev S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Gurdev S, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Vi Thị N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền